TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-S'
Ngày: 20-02-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn và bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023; Về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hoài B, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trương Phú P, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ D, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang. Theo giấy uỷ quyền ngày 02/01/2024 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn C, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 15, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoài B (do ông Trương Phú P đại diện theo uỷ quyền) trình bày:

Do quen biết, ông B là chủ vật tư nông nghiệp Bảy L, còn ông C là khách hàng của ông B. Ngày 07/9/2018 ông C vay của ông B số tiền 110.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, hai bên có làm biên nhận ngày 07/9/2018. Khi hết thời hạn vay thì ông C không trả tiền vốn và tiền lãi cho ông B.

Từ năm 2015 đến năm 2019 ông C có mua vật tư nông nghiệp là phân bón, thuốc trừ sâu của ông B để phục vụ việc trồng lúa. Khi mua bán có thoả thuận sau

khi thu hoạch lúa thì sẽ trả tiền còn thiếu nhưng ông C không trả, tính đến ngày 04/11/2018 thì ông C còn nợ ông B số tiền 62.679.000đ.

Tại đơn khởi kiện ông B yêu cầu ông C trả 132.679.000đ, trong đó, tiền vay là 110.000.000đ, tiền nợ vật tư nông nghiệp là 22.679.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, ông B thừa nhận ông C có trả cho ông B tổng cộng số tiền là 70.000.000đ. Trong đó 62.679.000 đồng là tiền nợ vật tư nông nghiệp và 7.321.000 đồng là tiền vay. Đến nay ông C còn nợ ông B số tiền vốn vay là 102.679.000đ (một trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Ông B có đến gặp ông C nhiều lần để yêu cầu ông C trả nợ nhưng ông C năn nỉ, hẹn nhiều lần, lần cuối cùng là tháng 5/2023.

Nay ông B yêu cầu ông C trả một lần toàn bộ số tiền vốn vay 102.679.000đ (một trăm lẻ hai triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày 07/9/2018 cho đến ngày xét xử. Ngoài ra, ông B xin rút lại toàn bộ yêu cầu ông C trả số tiền nợ 22.679.000đ do mua vật tư nông nghiệp.

Tại các tờ tường trình ngày 02/01/2024 và ngày 12/01/2024, biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ông thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của ông P, ông thừa nhận còn nợ ông B số tiền vốn vay 102.679.000 đồng. Ông đã trả dứt toàn bộ số tiền nợ do mua vật tư nông nghiệp của ông B. Hiện nay, hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả nợ một lần, ông xin trả theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả cho ông B số tiền 600.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ông yêu cầu nguyên đơn cho ông được miễn tính lãi, tạo điều kiện cho ông được trả tiền vốn vay 102.679.000 đồng do ông không còn khả năng trả nợ cho ông B.

Tại phiên tòa,

- *Ông P trình bày:* Ông B yêu cầu ông C trả một lần toàn bộ số tiền vốn vay 102.679.000đ và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 102.679.000 đồng, kể từ ngày 07/9/2018 cho đến ngày xét xử, nhưng chỉ yêu cầu tính tròn 60 (sáu mươi) tháng và xin rút lại toàn bộ yêu cầu ông C trả số tiền nợ 22.679.000đ do mua vật tư nông nghiệp.

- *Ông C trình bày:* Ông thừa nhận còn nợ ông B số tiền 102.679.000đ. Ông đã trả dứt toàn bộ số tiền nợ do mua vật tư nông nghiệp của ông B. Hiện nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông xin trả theo định kỳ 03 tháng, trả cho ông B số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu được miễn tính lãi đối với số tiền nợ nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B. Buộc ông C phải trả cho ông B số tiền vốn vay 102.679.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông B đối với ông C về việc yêu cầu ông C trả số tiền nợ 22.679.000đ do mua vật tư nông nghiệp. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự - hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Ông B ủy quyền cho ông P theo Giấy ủy quyền ngày 02/01/2024. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp với Điều 138 và Điều 140 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản: Ông B khởi kiện yêu cầu ông C trả cho ông số tiền vay còn nợ là 102.679.000đ. Bị đơn ông C thừa nhận còn nợ ông B số tiền vay 102.679.000đ này. Đồng thời, căn cứ vào biên nhận nhận tiền ngày 07/9/2018 thể hiện: *"Bên A: Tôi tên Nguyễn Hoài B, số CMND 351386500. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Bên B: Tôi tên Lê Văn C, số CMND 350912038. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang …… Nội dung: Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2018. Bên B có mượn bên A với số tiền là 110.000.000đ, viết bằng chữ một trăm mười triệu đồng, thời hạn mượn là 02 tháng, kể từ ngày 07/9/2018 đến ngày 07/11/2018. Bên B có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền như trên mà bên B đã mượn…."*. Biên nhận này có chữ ký, ghi đầy đủ họ và tên của ông Lê Văn C, có thể hiện số tiền vay, thời hạn trả nợ, không thể hiện lãi suất nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đương sự thừa nhận có thoả thuận lãi suất là 2%/tháng. Từ đó, có cơ sở xác định giữa ông B và ông C có xác lập hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng vay này giữa ông B với ông C là những người có đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, xác định hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết. Xét thấy, ông C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thoả thuận nên ông B khởi kiện ông C yêu cầu trả tiền vốn

vay là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông C cho rằng hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, không có khả năng trả nợ một lần mà xin trả theo định kỳ 03 tháng trả cho ông B số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng nguyên đơn ông B (do ông P đại diện) không chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ như sau: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn".* Vì vậy, phương án trả nợ theo định kỳ 03 tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ của ông C là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: Ông B yêu cầu ông C trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 102.679.000đ, theo mức lãi suất 0,83%/, kể từ ngày 07/9/2018 cho đến ngày xét xử (ngày 20/02/2024), chỉ yêu cầu tính tròn 60 tháng. Bị đơn ông C không thống nhất trả tiền lãi và yêu cầu được miễn tiền lãi. Xét thấy, hợp đồng vay giữa các bên là trường hợp vay có lãi và ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông B. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông B, cụ thể tiền lãi được tính như sau: 102.679.000đ x 0,83%/tháng (10%/năm) x 60 tháng = 51.134.000đ (năm mươi mốt triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn đồng), đã làm tròn.

Từ những nhận định nêu trên, bị đơn ông C phải trả cho ông B số tiền vốn 102.679.000 đồng và lãi 51.134.000 đồng. Tổng cộng, tiền vốn và lãi là 153.813.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu, tám trăm mười ba nghìn đồng).

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông B đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông C về việc yêu cầu ông C trả số tiền nợ 22.679.000đ do mua vật tư nông nghiệp. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông B đối với ông C về việc yêu cầu ông C trả số tiền nợ 22.679.000đ do mua vật tư nông nghiệp.

[3] Về án phí: Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 138 và Điều 140 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài B.

Buộc ông Lê Văn C phải trả cho ông Nguyễn Hoài B số tiền vốn vay 102.679.000 đồng và tiền lãi 51.134.000 đồng. Tổng cộng, tiền vốn và lãi là 153.813.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu, tám trăm mười ba nghìn đồng).

Kể từ ngày 21/02/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài B đối với ông Lê Văn C về việc yêu cầu ông C trả số tiền nợ 22.679.000đ do mua vật tư nông nghiệp.

3. Về án phí: Ông Lê Văn C phải chịu 7.691.000 đồng (Bảy triệu, sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng) đã làm tròn, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hoài B được nhận lại 3.317.000 đồng (Ba triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005185 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ông B, ông P, ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến